

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 20/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 5444/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2. Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

1. Các nội dung, mức chi cụ thể cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

3. Ngoài các kỳ thi và nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này, các cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo, các cơ sở giáo dục - đào tạo căn cứ tình hình ngân sách và nội dung cụ thể để chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn và nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị, mức chi tối đa không vượt quá 80% mức chi quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Châu**

**PHỤ LỤC:**  
**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC CHUẨN BỊ,**  
**TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI LĨNH VỰC**  
**GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

| STT      | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Mức chi tối đa (đồng) |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|
| <b>I</b> | <b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban/điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia, thi học sinh giỏi lớp 12 trung học phổ thông (THPT), thi chọn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia; thi học sinh giỏi lớp 9 trung học cơ sở, thi tuyển sinh vào lớp 10</b> |             |                       |
| 1        | Chi tiền công cho thành viên Hội đồng /ban ra đề                                                                                                                                                                                                                                               |             |                       |
|          | Chủ tịch hội đồng/ban ra đề thi vòng trong                                                                                                                                                                                                                                                     | Ngày/người  | 455.000               |
|          | Phó Chủ tịch hội đồng/ban ra đề thi vòng trong                                                                                                                                                                                                                                                 | Ngày/người  | 410.000               |
|          | Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên hội đồng/ban ra đề thi vòng trong                                                                                                                                                                                                                               | Ngày/người  | 300.000               |
|          | Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên hội đồng/ban ra đề thi vòng ngoài                                                                                                                                                                                                                               | Ngày/người  | 260.000               |
|          | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng trong hội đồng/ban ra đề thi                                                                                                                                                                                                                               | Ngày/người  | 150.000               |
|          | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài hội đồng/ban ra đề thi                                                                                                                                                                                                                               | Ngày/người  | 150.000               |
| 2        | Hội đồng/Ban in sao đề thi                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |                       |
|          | Chủ tịch hội đồng/ban in sao vòng trong                                                                                                                                                                                                                                                        | Ngày/người  | 390.000               |
|          | Phó Chủ tịch hội đồng/ban in sao vòng trong                                                                                                                                                                                                                                                    | Ngày/người  | 340.000               |
|          | Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên hội đồng/ban in sao vòng trong                                                                                                                                                                                                                                  | Ngày/người  | 280.000               |
|          | Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên hội đồng/ban in sao vòng ngoài và thành viên vận chuyển đề thi tốt nghiệp THPT                                                                                                                                                                                  | Ngày/người  | 260.000               |
|          | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng trong hội đồng/ban in sao                                                                                                                                                                                                                                  | Ngày/người  | 260.000               |
|          | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài hội đồng/ban in sao                                                                                                                                                                                                                                  | Ngày/người  | 150.000               |
| 3        | Ban chỉ đạo thi tốt nghiệp THPT (Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, nhân viên phục vụ)                                                                                                                                                                                               |             |                       |
|          | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ngày/người  | 455.000               |
|          | Phó trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ngày/người  | 365.000               |
|          | Thư ký, ủy viên                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người  | 300.000               |
|          | Nhân viên phục vụ                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ngày/người  | 150.000               |
| 4        | Ban Thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp THPT                                                                                                                                                                                                                                                        |             |                       |

| STT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính              | Mức chi tối đa (đồng) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
|     | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                    | Ngày/người               | 390.000               |
|     | Phó trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người               | 330.000               |
|     | Ủy viên                                                                                                                                                                                                                                       | Ngày/người               | 280.000               |
| 5   | Hội đồng/Ban/điểm coi thi                                                                                                                                                                                                                     |                          |                       |
|     | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                    | Ngày/người               | 345.000               |
|     | Phó trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người               | 325.000               |
|     | Điểm trưởng                                                                                                                                                                                                                                   | Ngày/người               | 325.000               |
|     | Ủy viên, thư ký, giám thị, giám sát, điểm phó                                                                                                                                                                                                 | Ngày/người               | 275.000               |
|     | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người               | 130.000               |
| 6   | Ban/Tổ làm phách (làm việc cách ly)                                                                                                                                                                                                           |                          |                       |
|     | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                    | Ngày/người               | 390.000               |
|     | Phó trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người               | 325.000               |
|     | Thư ký, ủy viên                                                                                                                                                                                                                               | Ngày/người               | 275.000               |
|     | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng trong                                                                                                                                                                                                     | Ngày/người               | 275.000               |
|     | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài                                                                                                                                                                                                     | Ngày/người               | 150.000               |
| 7   | Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi                                                                                                                                                            |                          |                       |
|     | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                    | Ngày/người               | 390.000               |
|     | Phó trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người               | 325.000               |
|     | Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên, giám khảo                                                                                                                                                                                                     | Ngày/người               | 275.000               |
|     | Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ                                                                                                                                                                                                                | Ngày/người               | 150.000               |
| II  | <b>Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho học sinh các đội dự tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và thi chọn vào đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế</b><br>- Tiền ăn<br>- Tiền giải khát | Ngày/người<br>Buổi/người | 150.000<br>20.000     |
| III | <b>Tiền công ra đề thi</b>                                                                                                                                                                                                                    |                          |                       |
| 1   | Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi                                                                                                                                                                           | Ngày/người               | 300.000               |
| 2   | Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận thi tuyển sinh vào lớp 10                                                                                                                                                                      | Ngày/người               | 480.000               |
| 3   | Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận thi chọn học sinh vào đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia                                                                                                                                     | Ngày/người               | 850.000               |
| 4   | Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận thi chọn học sinh giỏi lớp 9:<br>- Cấp tỉnh<br>- Cấp huyện                                                                                                                                     | Ngày/người<br>Ngày/người | 500.000<br>400.000    |
| 5   | Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận thi chọn học sinh giỏi lớp 12, thi chọn học sinh vào đội tuyển thi                                                                                                                             |                          |                       |

| STT       | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính              | Mức chi tối đa (đồng) |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
|           | học sinh giỏi quốc gia:<br>- Cấp tỉnh<br>- Cấp cơ sở                                                                                                                                                                                   | Ngày/người<br>Ngày/người | 600.000<br>400.000    |
| 6         | Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)                                                                                                           |                          |                       |
|           | - Thi tuyển sinh vào lớp 10                                                                                                                                                                                                            | Ngày/người               | 525.000               |
|           | - Thi chọn học sinh vào đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia                                                                                                                                                                           | Ngày/người               | 750.000               |
|           | - Thi học sinh giỏi lớp 12                                                                                                                                                                                                             |                          |                       |
|           | + Cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                                             | Ngày/người               | 750.000               |
|           | + Cấp cơ sở                                                                                                                                                                                                                            | Ngày/người               | 450.000               |
|           | - Thi học sinh giỏi lớp 9:                                                                                                                                                                                                             |                          |                       |
|           | + Cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                                             | Ngày/người               | 585.000               |
|           | + Cấp huyện                                                                                                                                                                                                                            | Ngày/người               | 450.000               |
| <b>IV</b> | <b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</b>                                                                                                                                                                                        |                          |                       |
| 1         | Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi                                                                                                                                                                    |                          |                       |
|           | Người chủ trì                                                                                                                                                                                                                          | Ngày/người               | 520.000               |
|           | Các thành viên                                                                                                                                                                                                                         | Ngày/người               | 410.000               |
| 2         | Tiền công soạn thảo câu hỏi thô                                                                                                                                                                                                        | Câu                      | 50.000                |
| 3         | chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi                                                                                                                                                                                                | Câu                      | 40.000                |
| 4         | Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm                                                                                                                                                                                                       | Câu                      | 35.000                |
| 5         | chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi                                                                                                                                                                                    | Câu                      | 25.000                |
| 6         | Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa                                                                                                                                                   | Câu                      | 7.000                 |
| 7         | Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi                                                                                                                                                                            | Đồng/báo cáo/môn thi     | 750.000               |
| 8         | Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm                                                                                                                                                                                      |                          |                       |
|           | Người chủ trì                                                                                                                                                                                                                          | Ngày/người               | 600.000               |
|           | Các thành viên                                                                                                                                                                                                                         | Ngày/người               | 450.000               |
| <b>V</b>  | <b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, dự thi chọn vào đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực</b>                                                                                                     |                          |                       |
| 1         | Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn, tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành cho các đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, dự thi chọn vào đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực | Người/buổi               | 525.000               |
| 2         | Tiền công cho cán bộ trợ lý thí nghiệm, thực hành                                                                                                                                                                                      | Người/buổi               | 375.000               |

| <b>STT</b> | <b>Nội dung chi</b>                                                                                                                      | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Mức chi tối đa (đồng)</b> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|
| 3          | Tiền may đồng phục cho học sinh các đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, dự thi chọn vào đội tuyển dự thi Olympic quốc tế và khu vực | Đồng/người         | 900.000                      |